

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 86/2023/DS - ST

Ngày: 18/9/2023

V/v: “tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Văn Hoàng - Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ.

- **Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** bà Nguyễn Thị Lịch - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 207/2023/TB-TLVA ngày 22 tháng 5 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 207/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà H Xuân B, sinh năm 1976; địa chỉ: thôn TN, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: khu 6, thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(bà B có mặt; bị đơn bà H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà H Xuân B trình bày: do có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 05/8/2022 bà B có cho bà Nguyễn Thị H vay 42.000.000đồng, khi vay tiền thì bà H hẹn với bà B là hứa đến tháng 02/2023 sẽ trả hết số nợ trên; tuy nhiên từ lúc vay tiền đến nay, bà H chưa trả cho bà B đồng nào. Nay bà B khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị H trả cho bà B số tiền 42.000.000đồng, bà B không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ nhưng bà H vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày gì.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt nên không tiến hành được.

Tại phiên tòa: bà B yêu cầu bà H trả cho bà số tiền 42.000.000đồng, không yêu cầu lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử, cụ thể: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt tại phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Xuân B, buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà H Xuân B số tiền nợ gốc 42.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra tại phiên tòa cũng như ý kiến tranh luận của đương sự, ý kiến Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng:* bị đơn, bà Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* xuất phát từ việc giữa bà H Xuân B và bà Nguyễn Thị H có quan hệ thân thiết nên ngày 05/8/2022 bà B có cho bà H vay số tiền 42.000.000đồng, khi vay tiền bà H hẹn đến tháng 02/2023 sẽ trả hết số nợ, nhưng bà H không thực hiện như cam kết. Vì vậy, bà B khởi kiện yêu cầu bà H trả cho bà tiền nợ gốc 42.000.000đồng. Tại phiên tòa, bà B giữ nguyên yêu cầu bà H trả cho bà 42.000.000đồng nợ gốc, không yêu cầu lãi suất, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp và yêu cầu của đương sự:*

Qua xem xét lời khai của đương sự, đối chiếu với tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình, thấy rằng: chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là giấy vay nợ ngày 05/8/2022 bản chính, có chữ ký chữ viết tên xác nhận của bà Nguyễn Thị H. Như vậy có đủ căn cứ để khẳng định việc bà H có nợ tiền bà B là có xảy ra trên thực tế.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt cho bà H nhưng bà H vắng mặt và không có ý kiến trình bày gì.

[3.2] Do bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mặc dù bà B đã yêu cầu phải trả nợ nhiều lần nên bà B kiện yêu cầu bà H phải trả lại số tiền nợ gốc 42.000.000đồng là phù hợp quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

Từ những nhận định và phân tích như trên, cần buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà H Xuân B số tiền nợ gốc 42.000.000đồng.

[4] *Về án phí:*

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên buộc bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả cho nguyên đơn là 42.000.000đồng x 5% = 2.100.000đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H Xuân B đối với bà Nguyễn Thị H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ trả cho bà H Xuân B số tiền 42.000.000đồng (bốn mươi hai triệu đồng) tiền nợ vay gốc.

2. *Về án phí:* buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 2.100.000đồng (hai triệu một trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà H Xuân B 1.050.000đồng (một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0014313 ngày 22/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Về nghĩa vụ thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi Hình án có quyền chủ động ra quyết định thi Hình án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi Hình án của người được thi Hình án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi Hình án) cho đến khi thi Hình án xong, bên phải thi Hình án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi Hình án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp luật có quy định khác.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/9/2023); bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi Hình theo qui định tại Điều 2 Luật Thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền 'thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi Hình án dân sự; thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ

THnh viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc

Cao Đình Nhân

Lê Thị Thanh Vũ

